**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tuần….. tiết….**

**TÊN BÀI DẠY: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á**

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

Thời gian thực hiện: ( tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

**-** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.

- Trình bày được những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được vị trí của châu Á trên bản đồ.

- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính của châu Á.

- Xác định được trên bản đồ các đới và các kiểu khí hậu của châu Á.

**2.Về năng lực:**

- Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới quan theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ địa lí ( bản đồ, hình ảnh, video…)

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề.

**3.Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Trách nhiệm: Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ tự nhiên ( bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, sử dụng hợp lí , khai thác đi đôi với phục hồi TNTN, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu )

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Học liệu: SGK, SGV.

- Thiết bị dạy học:

+ Hình ảnh, video về thiên nhiên châu Á

+ Bản đồ tự nhiên châu Á, bản đồ các đới và các kiểu khí hậu ở châu Á.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- SGK, vở ghi.

- Đồ dùng học tập (Bút, thước,...).

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1:Mở đầu ( 3 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới.

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.

**b) Nội dung:**

- Châu Á là một bộ phận của lục địa Á- Âu. Châu Á có diện tích rộng lớn, tiếp giáp nhiều châu lục và đại dương.

- HS nêu các châu lục, sau đó chia sẻ thông tin biết về châu Á.

**c) Sản phẩm:**

- HS kể được một số châu lục trên thế giới .

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: GV cho hs chơi trò chơi nhìn hình bắt ý , gv chiếu một số hình ảnh minh họa về các châu lục.

- Bước 2: : HS đưa ra câu trả lời dựa vào kiến thức của bản thân qua các hình ảnh

- Bước 3: HS khác nghe câu trả lời của bạn, bổ sung ý kiến.

- Bước 4: : GV nhận xét,hỏi dẫn dắt chúng ta đang sống ở châu lục nào? cung cấp thêm một số thông tin , giới thiệu về châu Á sau đó dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức ( 35 phút)**

**1.Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí, hình dạng và kích thước ( phút)**

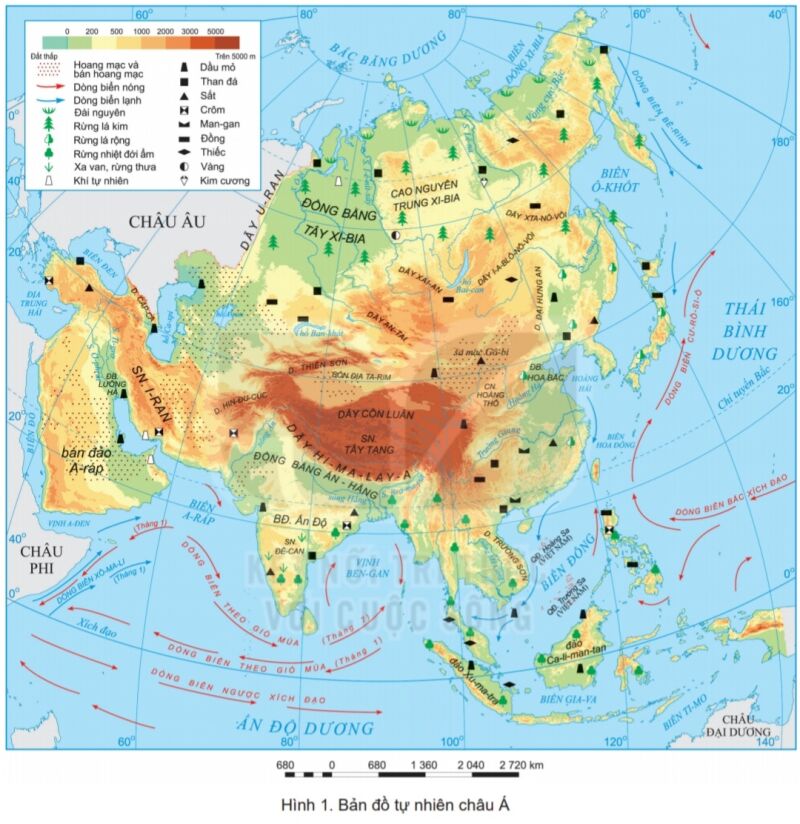
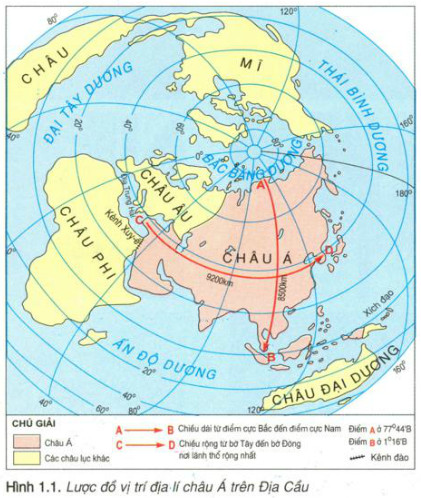
**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.

- Xác định được vị trí châu Á trên lược đồ, bản đồ.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và hướng dẫn HS quan sát lược đồ vị trí của châu Á trên lược đồ, bản đồ tự nhiên châu Á hướng dẫn HS cách khai thác, cách đọc các công cụ địa lí này.



 ? Xác định vị trí châu Á trên bản đồ?

? Xác định chiều dài theo chiều Bắc- Nam, Đông-Tây?

? Châu Á tiếp giáp với các châu lục và đại dương nào?

? Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á?

**c) Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời của HS.

- HS xác định được vị trí của châu Á trên bản đồ., nêu được hình dạng và kích thước của châu Á.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: Gv cho HS quan sát hình 1; Bản đồ tự nhiên châu Á, GV gọi HS lên bảng xác định vị trí của châu Á trên bản đồ.

- Bước 2:HS tìm hiểu trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên.

- Bước 3: GV gọi HS bất kì lên bảng xác định theo yêu cầu của GV.

+ GV dùng phương pháp đàm thoại, gợi mở, dẫn dắt để HS trao đổi và phân tích được đặc điểm về vị trí, hình dạng, kích thước của châu Á

+ GV đặt một số câu hỏi dẫn dắt

? Châu Á tiếp giáp với các lục địa và đại dương nào?

? So sánh tương quan giữa chiều dài và chiều rộng của châu Á.

- Bước 4: GV nhận xét , cung cấp thêm thông tin, chốt kiến thức

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **1/ Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước.**  + Nằm ở bán cầu Bắc, trải dài từ vùng Xích đạo đến vùng cực Bắc., là một bộ phận của lục địa Á- Âu  + Tiếp giáp với 2 châu lục (châu Âu, châu Phi) và ba đại dương lớn (Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương).  - Hình dạng: Châu Á có dạng hình khối rõ rệt. Theo chiều Bắc-Nam, châu Á kéo dài khoảng 8500km từ trên vòng cực Bắc xuống phía Nam xích đạo. Theo chiều Đông- Tây, nơi rộng nhất khoảng 9200km, trải từ ven Địa Trung Hải tới ven Thái Bình Dương.  - Kích thước: Châu lục có diện tích lớn nhất thế giới (44,4 triệu km2 - kể cả các đảo). |

**2. Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên ( phút)**

**\* Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu địa hình ( phút)**

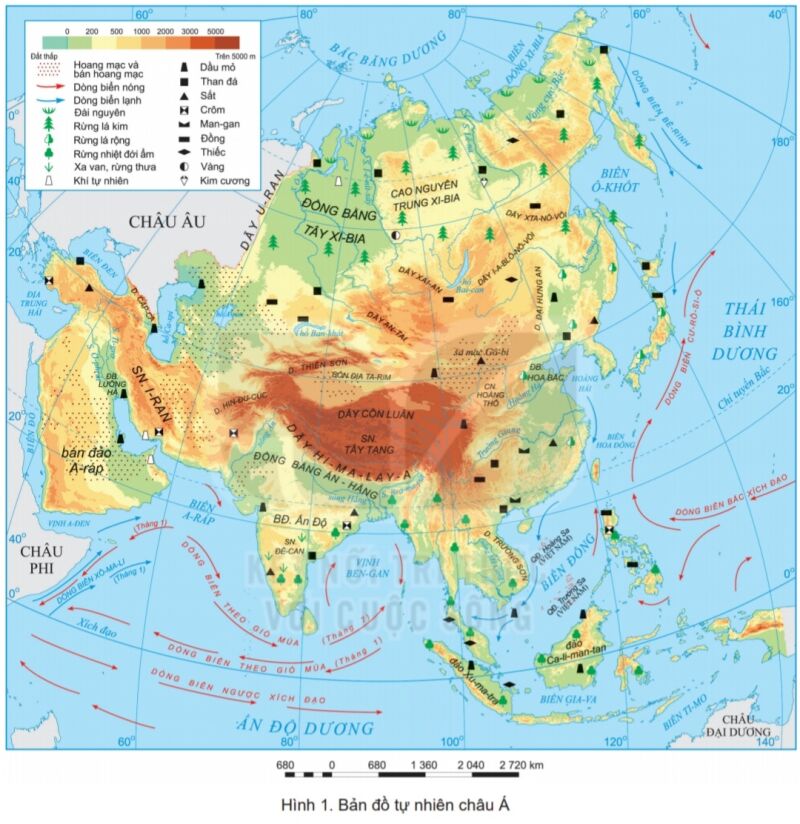
**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được đặc điểm địa hìnhchâu Á, ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và hướng dẫn HS quan sát bản đồ tự nhiên châu Á hướng dẫn HS cách khai thác, cách đọc các công cụ địa lí này.



 ? Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình châu Á

? Nêu đặc điểm địa hình của châu Á và ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên?

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

- HS xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình ở châu Á theo nội dung yêu cầu của phiếu học tập

**Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Địa hình** |
| **Trung tâm** |  |
| **Phía Bắc** |  |
| **Phía Đông** |  |
| **Phía Nam và Tây Nam** |  |
| **Ý nghĩa** |  |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: Gv cho HS quan sát hình 1; Bản đồ tự nhiên châu Á, GV gợi mở cho HS so sánh địa hình châu Á với châu Âu, giúp HS thấy được các đặc điểm chính của địa hình châu Á.

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu một khu vực địa hình

+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm địa hình khu vực trung tâm.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm địa hình khu vực phía Bắc.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm địa hình khu vực phía Đông.

+ Nhóm 4: Tìm hiểu đặc điểm địa hình khu vực phía Nam và Tây Nam.

- Gv lưu ý HS quan sát kĩ thang biểu hiện độ cao địa hình để nhận xét đặc điểm địa hình các khu vực trên bản đồ, từ đó rút ra ý nghĩa của địa hình đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Bước 2: Các nhóm làm việc, hoàn thiện phiếu học tập.

- Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, xác định các dạng địa hình nổi bật của từng khu vực của châu Á trên bản đồ.

- Bước 4: GV nhận xét , cung cấp thêm thông tin, chốt kiến thức.

+ GV cung cấp thêm một số hình ảnh, video về các cảnh quan núi cao, sơn nguyên, cao nguyên.. ở châu Á để HS có cái nhìn thực tế về sự đa dạng địa hình của châu lục này.

**Nội dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Địa hình** |
| **Trung tâm** | Là vùng núi cao đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới |
| **Phía Bắc** | Gồm các đông bằng và các cao nguyên thấp, bằng phẳng |
| **Phía Đông** | Địa hình thấp dần về phía biển, gồm núi, cao nguyên và đồng bằng ven biển |
| **Phía Nam và Tây Nam** | Gồm các dãy núi trẻ, các sơn nguyên và các đồng bằng xen kẽ |
| **Ý nghĩa** | - Địa hình núi cao hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống. Địa hình chia cắt mạnh mẽ nên có thể xảy ra xói mòn, sạt lở đất trong quá trình khai thác và sử dụng.  - Các khu vực cao nguyên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư. |

**\* Hoạt động 2.2.1. Tìm hiểu khoáng sản ( phút)**

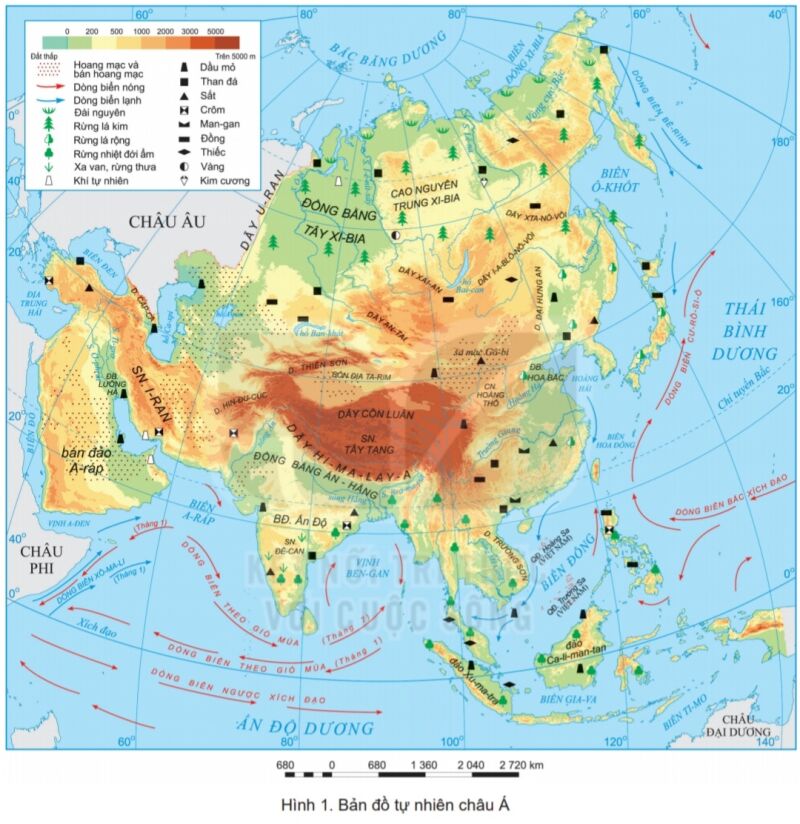
**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được đặc điểm khoáng sản châu Á, ý nghĩa của khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được trên bản đồ các khoáng sản chính của châu Á.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và hướng dẫn HS quan sát bản đồ tự nhiên châu Á hướng dẫn HS cách khai thác, cách đọc các công cụ địa lí này.



? Xác định trên hình 1, sự phân bố của một số loại khoáng sản chính ở châu Á?

? Đọc thông tin ở mục b, cho biết tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với các nước châu Á.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

- HS xác định được trên bản đồ sự phân bố một số loại khoáng sản chính ở châu Á theo nội dung yêu cầu của phiếu học tập

**Phiếu học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Khoáng sản** |
| **Trung tâm** |  |
| **Phía Bắc** |  |
| **Phía Đông** |  |
| **Phía Nam và Tây Nam** |  |
| **Ý nghĩa** |  |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: Gv cho HS quan sát hình 1; Bản đồ tự nhiên châu Á,

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Mỗi nhóm sẽ tìm hiểu một khu vực

+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm khoáng sản khu vực trung tâm.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm khoáng sản khu vực phía Bắc.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm khoáng sản khu vực phía Đông.

+ Nhóm 4: Tìm hiểu đặc điểm khoáng sản khu vực phía Nam và Tây Nam.

- Bước 2: Các nhóm làm việc, hoàn thiện phiếu học tập.

- Bước 3: GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, xác định sự phân bố các khoáng sản chính của châu Á trên bản đồ.

- Bước 4: GV nhận xét , cung cấp thêm thông tin, chốt kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực** | **Khoáng sản** |
| **Trung tâm** | Không đáng kể |
| **Phía Bắc** | Dầu mỏ, khí đốt, than, vàng, kim cương, thiếc… |
| **Phía Đông** | Than, sắt, thiếc, dầu mỏ… |
| **Phía Nam và Tây Nam** | Dầu mỏ, sắt, thiếc…. |
| **Ý nghĩa** | - Là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản, cung cấp nguyên liệu cần thiết cho các ngành công nghiệp như sản xuất ô tô, luyện kim… |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập ( phút)**

*a. Mục đích:*

- Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

- Củng cố về nội dung đặc điểm tự nhiên và vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

*b. Nội dung:*

- Trả lời câu hỏi sgk.

-GV bổ sung thêm một số dạng câu hỏi trắc nghiệm cho HS làm.

*c. Sản phẩm:* Dự kiến câu trả lời của học sinh

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đ.A** | D | A | D | C | D | C | A | C | C | A |

*d. Tổ chức thực hiện:*

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: GV tổ chức trò chơi AI LÀ TRIỆU PHÚ với các câu hỏi dưới đây:

***Câu1:*** ***Ý nào sau đây không phải đặc điểm địa hình của châu Á***

A. Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng bậc nhất thế giới.

B. Địa hình bị chia cắt phức tạp.

C. Các núi và cao nguyên cao đồ sộ tập trung ở trung tâm châu lục.

**D. Địa hình khá đơn giản, có thể coi toàn bộ lục địa là khối cao nguyên khổng lồ.**

***Câu 2: Châu Á có diện tích đứng thứ mấy trong các châu lục trên thế giới?***

**A. 1**       B. 2

C. 3      D. 4

***Câu 3: Chiều rộng từ bờ Tây sang bờ Đông nơi lãnh thổ châu Á mở rộng nhất là bao nhiêu km?***

 A. 6200 km B. 7200 km

 C. 8200 km **D. 9200 km**

***Câu 4: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm vị trí của châu Á?***

A. Là một bộ phận của lục địa Á - Âu

B. Kéo dài từ cực Bắc đến vùng xích đạo

**C. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam**

D. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương rộng lớn

***Câu 5: Châu Á không tiếp giáp với đại dương nào?***

A. Thái Bình Dương.

B. Bắc Băng Dương.

C. Ấn Độ Dương.

**D. Đại Tây Dương.**

***Câu 6: Khoáng sản ở châu Á phân bố như thế nào?***

A. Thưa thớt ở đồng bằng

B. Tập trung ở Tây Á

**C. Tập trung ở đồng bằng**

D. Rộng khắp trên lãnh thổ

***Câu 7:* *Phần đất liền châu Á tiếp giáp với các châu lục nào?***

**A. Châu Âu và châu Phi.**

B. Châu Đại Dương và châu Phi.

C. Châu Âu và châu Mỹ.

D. Châu Mỹ và châu Đại Dương.

***Câu 8******:*** ***Đồng bằng nào sau đây không thuộc châu Á?***

A. Đồng bằng Tây Xi-bia.

B. Đồng bằng Ấn – Hằng.

**C. Đồng bằng Trung tâm.**

D. Đồng bằng Hoa Bắc.

***Câu 9: Dầu mỏ, khí đốt tập trung nhiều nhất ở khu vực nào của châu Á?***

A. Bắc Á B. Nam Á

**C. Tây Nam Á** D. Đông Nam Á

***Câu 10: Các dãy núi ở châu Á có hai hướng chính là***

**A. đông – tây hoặc gần đông – tây và bắc – nam hoặc gần bắc – nam.**

B. đông bắc – tây nam và đông – tây hoặc gần đông – tây.

C. tây bắc – đông nam và vòng cung.

D. bắc – nam và vòng cung.

- Bước 2: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**4. Hoạt động: Vận dụng (2 phút)**

*a) Mục đích:*

Hệ thống lại kiến thức về đặc điểm địa hình của châu lục.

*b) Nội dung:*

Vận dụng kiến thức và hoàn thành bài tập.

*c) Sản phẩm:*

HS lên mạng Internet tìm kiếm thông tin về một dãy núi, sơn nguyên hoặc đồng bằng và thuyết trình về địa điểm đó cho các bạn cùng nghe.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và thuyết trình về 1 địa điểm đại diện cho 1 dạng địa hình của Châu Á.

+ 1 dãy núi

+ 1 sơn nguyên

+ 1 đồng bằng

+ 1 thung lũng,…

**Bước 2:** HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

**Bước 3:** GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tuần….. tiết….**

**TÊN BÀI DẠY: VỊ TRÍ ĐẠ LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á (tiếp)**

Môn học/Hoạt động giáo dục: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

Thời gian thực hiện: ( tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức:**

*Yêu cầu cần đạt :*

- Trình bày, giải thích đặc điểm khí hậu Châu Á và nguyên nhân của nó.

- Hiểu được sự khác nhau giữa khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa ở Châu Á.

**-** Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi châu Á.

- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.

- Trình bày được các cảnh quan tự nhiên ở châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.

- Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên Châu Á.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các đặc điểm khí hậu của Châu Á.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ tự nhiên để nêu sự khác nhau giữa khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa ở Châu Á.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: nhận thức đúng đắn về khí hậu ở từng khu vực là khác nhau do nhiều nguyên nhân.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng lược đồ tự nhiên Châu Á để xác định các cảnh quan tự nhiên, các hệ thống sông lớn.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Xác lập mối quan hệ giữa khí hậu, địa hình với sông ngòi và cảnh quan tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Đề xuất giải pháp nhằm khắc phục một số khó khăn do các kiểu khí hậu mang lại. Bảo vệ các dòng sông và cảnh quan xung quanh.

- Chăm chỉ: Tự tìm hiểu và trình bày được đặc điểm khí hậu châu Á.

Tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên nổi bật của sông ngòi và cảnh quan ở Châu Á.

- Nhân ái: Chia sẽ khó khăn đối với các vùng có khí hậu khắc nghiệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

## 1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ các đới khí hậu châu Á.

- Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số địa điểm ở châu Á.

- Tranh ảnh về cảnh quan ở kiểu KH gió mùa và kiểu KH lục địa.

- Bản đồ cảnh quan Châu Á

- Tranh ảnh cảnh quan tự nhiên Châu Á

**2. Chuẩn bị của HS**

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động: Mở đầu (3 phút)**

*a) Mục đích:*

- Kết nối bài học tiết trước, tạo hứng thú cho giờ học.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

*b) Nội dung:*

- Trò chơi: Tôi tài – Bạn cũng thế

*c) Sản phẩm:*

- Câu trả lời cá nhân của HS.

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ

- Gv cho HS quan sát hình ảnh, đoán tên các quốc gia trong ảnh, thời gian mỗi hình ảnh 10 giây.

- Hình 1: Nhật Bản

- Hình 2: Hàn Quốc

- Hình 3: Ấn Độ

- Hình 4: Việt Nam

**Bước 2:** HS quan sát tranh và trả lời bằng những hiểu biết của mình.

**Bước 3:** HS báo cáo kết quả

**Bước 4:** GV chuẩn kiến thức, dẫn dắt vào bài.

**2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm khí hậu châu Á ( 12 phút)**

*a) Mục đích:*

- Trình bày và giải thích được đặc điểm khí hậu châu Á.

- Hiểu được sự khác nhau giữa khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa ở Châu Á.l 7

- Đọc và phân tích lược đồ khí hậu châu Á.

*b) Nội dung:*

- Tìm hiểu đặc điểm chung và các kiểu khí hậu phổ biến của châu Á

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **c, Khí hậu**  - Khí hậu châu Á rất đa dạng, phân hóa thành nhiều đới khí hậu khác nhau.  \* Các kiểu khí hậu gió mùa:  - Mùa hạ: Thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều, mùa đông: Khô, lạnh và ít mưa  - Phân bố: Nam Á, Đông Nam Á, Đông Á.  \* Các kiểu khí hậu lục địa:  - Mùa đông khô và lạnh, mùa hạ khô và nóng.  - Phân bố: Nội địa và Tây Nam Á. |

*c) Sản phẩm:*

- Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập của HS

*d) Cách thực hiện:*

***Bước 1:*** GV giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS quan sát lược đồ H2.1 và đọc thông tin ở phần 1 SGK kết hợp với kiến thức đã học ở bài 1 trả lời các nội dung sau:

+ Xác định vị trí, đọc tên các đới khí hậu ở châu Á từ vùng cực Bắc

+ Các kiểu khí hậu ở dọc vĩ tuyến 400B.

-Trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập: Phiếu học tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các kiểu khí hậu | Phân bố | Đặc điểm |
| Các kiểu khí hậu gió mùa |  |  |
| Các kiểu khí hậu lục địa |  |  |

+ Tại sao có sự khác nhau giữa kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa?

+ Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào? Kiểu khí hậu nào?

***Bước 2***: HS làm việc theo nhóm theo nội dung phân công. GV theo dõi

***Bước 3***: HS trả lời dựa trên bản đồ. Các hs khác nhận xét bổ sung.

***Bước 4***: GV chuẩn kiến thức và yêu cầu HS rút ra đặc điểm khí hậu châu Á.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  ***c. Khí hậu***  - Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng thành nhiều đới.  - Ở mỗi đới lại phân hóa thành nhiều kiểu khác nhau  - Các kiểu khí hậu phổ biến.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các kiểu khí hậu | Đặc điểm | Phân bố | | Các kiểu khí hậu gió mùa | Chia làm 2 mùa rõ rệt  - Mùa hạ: nóng ẩm, mưa nhiều.  - Mùa đông: khô lạnh, ít mưa. | - Khí hậu gió mùa nhiệt đới: Nam Á và Đông Nam Á.  - Khí hậu gió mùa cận nhiệt và ôn đới: Đông Á. | | Các kiểu khí hậu lục địa | - Mùa đông: khô lạnh, mùa hạ khô nóng.  - Lượng mưa trung bình năm thấp ( 200-500mm) độ bốc hơi lớn. | Nội địa và Tây Nam Á. | |

**2.1. Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm sông, hồ châu Á ( 15 phút)**

*a) Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm chung của sông, hồ châu Á.

- Nêu và giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, giá trị kinh tế của các hệ thống sông lớn.

- Kể tên 1 số sông lớn ở châu Á và nêu ý nghĩa của chúng đối với đời sống, sản xuất và bảo vệ tự nhiên.

*b) Nội dung:*

- Tìm hiểu đặc điểm sông ngòi châu Á, giá trị kinh tế của sông ngòi từng khu vực.

*c) Sản phẩm:*

- Câu trả lời cá nhân và phiếu học tập của HS

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV cho HS quan sát lược đồ 1.2 SGK trang 5 hoặc bản đồ tự nhiên châu Á trả lời các câu hỏi sau:

+ Tên các hệ thống sông lớn của châu Á?

+ Nêu đặc điểm chung của sông ngòi châu Á?

- Chia nhóm (3 hoặc 6 nhóm), phân công nhiệm vụ. Mỗi nhóm tìm hiểu 1 khu vực sông ngòi với nội dung.

**THẢO LUẬN NHÓM** (7 phút)

|  |  |
| --- | --- |
| **Các khu vực sông** | **Đặc điểm chính** |
| Bắc Á |  |
| Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á |  |
| Tây Nam Á, Trung Á |  |

+ Nêu giá trị kinh tế của sông ngòi từng khu vực.

**Bước 2:** HS thực hiện các nhiệm vụ

**Bước 3:** Các nhóm thảo luận. Đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4:** GV chuẩn xác kiến thức. GV liên hệ giá trị KT sông ngòi nước ta. Qua đó, giáo dục HS ý thức bảo vệ sông ngòi.

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **d, Sông, hồ**  - Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn (I-ê-nit-xây, Hoàng Hà, Trường Giang, Mê-Công, Ấn, Hằng) nhưng phân bố không đều.  - Chế độ nước phức tạp.  + Bắc Á: mạng lưới sông dày , mùa đông nước đóng băng, mùa xuân có lũ do băng tan.  + Khu vực châu Á gió mùa: nhiều sông lớn, có lượng nước lớn vào mùa mưa.  + Tây và Trung Á: ít sông, nguồn cung cấp nước chủ yếu do tuyết, băng tan.  - Giá trị kinh tế của sông ngòi châu Á: giao thông, thủy điện, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. |

**2.2. Hoạt động 3: Tìm hiểu đới thiên nhiên ( 10 phút)**

*a) Mục đích:*

- Trình bày được các cảnh quan tự nhiên ở châu Á và giải thích được sự phân bố của một số cảnh quan.

- Nêu vấn đề cần lưu ý trong sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

*b) Nội dung:*

- Tìm hiểu đặc điểm và sự phân bố các đới cảnh quan của châu Á

*c) Sản phẩm:*

- Câu trả lời của HS

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV yêu cầu HS tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để thảo luận cặp và trả lời các câu hỏi.

- Kể tên các đới cảnh quan của châu Á theo thứ tự từ Bắc xuống Nam.

- Xác định các cảnh quan phân bố ở khu vực KH gió mùa và khu vực KH lục địa khô hạn?

- Giải thích nguyên nhân vì sao cảnh quan tự nhiên của châu Á rất đa dạng?

**Bước 2:** HS quan sát lược đồ, trả lời câu hỏi

**Bước 3:** HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4:** GV chuẩn xác kiến thức.

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG HỌC TẬP**  **e, Đới thiên nhiên**  - Cảnh quan phân hóa đa dạng với nhiều loại:  + Đới lạnh: rừng lá kim ở Bắc Á (Xi-bia) nơi có khí hậu ôn đới.  + Đới ôn hòa: rừng cận nhiệt ở Đông Á,  + Đới nóng: rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á.  - Nguyên nhân phân bố của một số cảnh quan: do sự phân hoá đa dạng về các đới, các kiểu khí hậu… |

**3. Hoạt động: Luyện tập (5 phút)**

*a) Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

*b) Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

*c) Sản phẩm:* Dự kiến câu trả lời của HS

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đ.A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV đưa nội dung câu hỏi và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm theo hình thức cá nhân hoặc tổ chức thành trò chơi.

***Câu hỏi:***

**Câu 1:** Việt Nam nằm trong đới khí hậu

A. ôn đới. B. xích đạo. C. Nhiệt đới. D. Cận nhiệt đới.

**Câu 2:** Đới khí hậu chia thành nhiều kiểu nhất ở châu Á là

A. cực và cận cực. B. khí hậu cận nhiệt.

C. khí hậu ôn đới. D. khí hậu nhiệt đới.

**Câu 3:** Kiểu khí hậu lục địa có đặc điểm là

A. mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng ẩm và có mưa nhiều.

B. mùa đông khô và lạnh, mùa hạ nóng ẩm và mưa ít.

C. mùa đông khô và lạnh, mùa hạ khô và nóng.

D. mùa đông khô và ấm, mùa hạ khô và nóng.

**Câu 4:** Khí hậu châu Á phân hóa thành nhiều đới khí hậu là do

A. lãnh thổ rộng lớn.

B. có nhiều núi và sơn nguyên cao.

C. nằm giữa ba đại dương lớn.

D. lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.

**Câu 5:** Các đới khí hậu châu Á phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau do

A. lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.

B. lãnh thổ rộng lớn và nằm giữa ba đại dương lớn.

C. địa hình có nhiều núi và cao nguyên đồ sộ, đồng bằng rộng lớn.

D. lãnh thổ rộng lớn, các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển xâm nhập vào nội địa.

**Câu 6:** Vì sao gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ ở châu Á lại có tính chất trái ngược nhau?

A. Do tác động của các khối khí.

B. Do chịu ảnh hưởng của các dòng biển.

C. Do có nguồn gốc hình thành khác nhau.

D. Do chịu ảnh hưởng của các dãy núi cao ven biển.

**Bước 2:** HS trả lời các câu hỏi

**Bước 3:** GV mời HS trả lời. HS khác nhận xét.

**Bước 4:** GV chốt lại kiến thức của bài.

**4. Hoạt động: Vận dụng**

*a) Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về khí hậu châu Á.

*b) Nội dung:* Tìm hiểu đặc điểm khí hậu của VN và địa phương.

*c) Sản phẩm:* Sản phẩm báo cáo của nhóm HS

*d) Cách thực hiện:*

**Bước 1:** GV đưa ra 3 đề tài cho các nhóm lựa chọn thực hiện:

-Tìm hiểu và trình bày về khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Khí hậu gió mùa ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất ở địa phương em?

- Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một con sông, hồ lớn hoặc đới thiên nhiên châu Á.

**-** Tìm hiểu và viết một đoạn văn ngắn mô tả đặc điểm của một đồng bằng hoặc cao nguyên ở châu Á.

**Bước 2:** HS trao đổi, hoàn thành nhiện vụ theo nhóm

**Bước 3:** HS báo cáo kết quả hoạt động nhóm ( sau 1 tuần)

**Bước 4:** GV nhận xét, rút kinh nghiệm bài báo cáo của HS.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_